

NHÌN LẠI LỊCH SỬ CHÂU ÂU VÀ TƯ TƯỞNG VỀ CHÂU ÂU

Ths. Trần Phương Hoa

Viện Nghiên cứu Châu Âu

Tư tưởng châu Âu được xem xét trong quá trình lịch sử, từ thời Hy Lạp và La Mã cổ đại, giai đoạn hình thành và phát triển của Kitô giáo thời Trung cổ, thời kỳ Khai sáng với tư tưởng của "những người khổng lồ" là di sản chung của châu Âu và là nền tảng cho sự thống nhất độc đáo của EU thời hiện đại.

Tên gọi châu Âu (Europe), theo thần thoại Hy Lạp là tên con gái Vua xứ Phenixi. Thần Dớt đem lòng yêu Europe và hoá thành một con bò để cho nàng cưỡi trên lưng và lao xuống biển. Tuy nhiên tại sao lục địa châu Âu lại có tên gọi này thì đến nay vẫn chưa có lời giải đáp thoả đáng. Có người cho rằng, Europe theo tiếng Phenixi có nghĩa là "vùng đất nơi mặt trời lặn", tức là vùng đất nằm ở phía Tây (Kevin Wilson, 1993:15). Về quan niệm giới hạn địa lý của vùng đất này cũng có sự thay đổi theo thời gian. Nó phụ thuộc vào sự bành trướng của người Hy Lạp thời cổ đại với những vùng đất thuộc địa của quốc gia này, do đó đôi khi những vùng đất quanh Địa Trung Hải của châu Phi cho tới vùng Ba Tư, vùng đất thuộc Iran, Irắc ngày nay cho tới tận Ấn Độ đã có thời gian chịu tác động mạnh mẽ và mang dấu ấn của văn hoá văn minh Hy Lạp. Theo K.Wilson, khái niệm châu Âu được mang ý nghĩa riêng của nó, đặc biệt khi có cuộc chiến giữa người Hy Lạp và Ba Tư.

Ngoài những khác biệt về ngôn ngữ, phong tục tập quán còn có sự khác biệt về cách điều hành nhà nước. Trong khi người Hy Lạp quản lý nhà nước theo mô hình thị quốc (city-state) như một biểu tượng của tự do kiểu Hy Lạp thì Ba Tư được coi như một đế chế rộng lớn được lãnh đạo bởi quyền lực tuyệt đối và khi đó Hy Lạp và Ba Tư được coi như sự đối lập giữa châu Âu tự do và châu Á của chế độ chuyên quyền. Theo Aristotle, người dân châu Âu được hưởng một khí hậu lạnh, là những người dũng cảm nhưng không khéo léo và thông thái bằng dân châu Á, tuy họ sống độc lập hơn và giữa họ ít có mối liên hệ và rất khó áp đặt quyền lực đối với nhau. Trong khi đó dân châu Á khéo léo và thông thái hơn nhưng lại thiếu dũng cảm và ý chí mạnh mẽ, do đó họ cam chịu sống dưới sự điều khiển của các lực lượng cầm quyền. Sau cái chết của Alexander năm 323 tr.CN, sự bành trướng và Helen hoá (Hy Lạp hoá) vùng đất phía Đông và phương Đông hoá văn hoá phía Tây đã làm cho việc đối lập Á-Âu bị mờ đi trên cả một vùng đất rộng lớn với hàng chục thành phố cùng mang tên của Alexander Đại đế (Alexandria, Alexandry, Alexandrie..),

Ngay từ thế kỷ 7 tr.CN người Hy Lạp không chỉ bành trướng sang phía Đông mà còn sang cả phía Tây. Họ theo đường biển

đến Sisilia, Pháp và Tây Ban Nha. Người Hy Lạp còn bơi qua những cột đá Hercules và dọc theo bờ Đại Tây dương, thám hiểm xung quanh hòn đảo hiện là nước Anh, đến Aixolen và Nauy. Và tất cả những nơi nào người Hy Lạp đặt chân đến khi đó đều được coi là châu Âu. Khái niệm này tồn tại cho đến thời La Mã.

Châu Âu vào thế kỷ II sau CN gắn liền với Đế quốc La Mã, bao gồm một vùng đất rộng lớn từ phía Tây gồm Anh quốc, xứ Gaul gồm các nước Pháp, Bỉ, Luxemburg, một phần Hà Lan, Đức và Thụy Sĩ ngày nay, Áo, Baviere, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, miền Đông Nam châu Âu gồm vùng sông Danuyp, xuống phía nam đất đai La Mã gồm toàn thể khu vực dọc bờ biển Bắc Phi và những đất vùng hậu cứ gồm Maroc, Algeri, Tuynisie, Lybye, Ai Cập. Ở phía Đông, La Mã thống trị Tiểu Á, Sirie, Palestine và bán đảo Sinai, thêm một số tỉnh Armenia và Mesopotamie (Crane Brinton, John Christopher, Robert Lee Wolff, 1994:75). Không phải vô cớ mà trong thời gian gần đây một số nước Bắc Phi vùng Địa Trung Hải cũng có ý muốn đệ đơn xin gia nhập EU.

Vào thế kỷ 7, sự thống nhất của vùng Địa Trung Hải bị phá vỡ bởi cuộc chinh phục của người Ả Rập. Ở phía Đông, Siri, Palestin, Ba Tư với Damas là trung tâm và do người La Mã thống trị trong một thời gian dài bị xâm chiếm, ở phía tây, người Ả Rập tiến tới tận Tây Ban Nha và biến nơi đây thành một trong những trung tâm Hồi giáo. Phía nam, Ai Cập và toàn bộ vùng bờ biển bắc Phi rơi vào tay người Ả Rập và những vùng này dần bị Hồi giáo hoá. Tuy nhiên khi tấn công lên

phía bắc, người Ả Rập đã gặp phải sức kháng cự của của liên quân do Charles Martel, thủ lĩnh của quân Frankish nắm giữ vùng đất khi đó có tên gọi là Champagne, Meuse và Moselle với Rheim là thủ phủ. Các nhà chép sử khi đó đã gọi liên quân này là europeenses (Kevin Wilson, 1993:26). Giai đoạn tiếp theo là thời kỳ trỗi dậy của các lực lượng phía bắc với sự lớn mạnh của bộ tộc Gecmanh, đại diện là Vương quốc Frankish, Charlemagne chinh phục người Saxon và Vương quốc Lombard thuộc Ý. Tại La Mã, năm 800, Charlemagne, người bảo trợ cho Giáo hoàng La Mã, đã lên ngôi hoàng đế với tước hiệu Hoàng đế La Mã Thần thánh (Holy Roman Emperor), trị vì đế chế có tên gọi là Corolingian (Frank). Charlemagne được tôn sùng là vua, cha đẻ của Châu Âu. Đế chế của Charlemagne bao gồm các tỉnh La Mã ở phía Tây, trừ Anh, phần lớn đất đai Tây Ban Nha, miền nam Ý, Sisilia và bắc Phi, một số vùng đất Trung và Đông Âu với vùng Bohemia của Tiệp, Áo, một phần lãnh thổ Hung và Nam Tư.

Một yếu tố có ý nghĩa quan trọng đối với châu Âu là Kitô giáo. Khái niệm châu Âu không được đề cập đến trong Kinh thánh, mặc dù Kitô giáo được coi là một trong những yếu tố tạo nên diện mạo châu Âu, là một trong những nền tảng cho tư duy và tinh thần châu Âu. Trong kinh thánh chỉ nói đến Noah và ba người con trai. Shem, Ham và Japheth, trải qua một trận đại hồng thủy trên con thuyền Noah và sau đó sinh ra loài người ngày hôm nay. Tuy nhiên Kinh thánh không chỉ rõ tên những vùng đất mà họ sinh sống sau này. Vào thế kỷ 1 sau CN, Palestin bị La Mã chinh phục. Jerusalem thất thủ năm 70

sau CN. Đoàn tùy tùng của Hoàng đế La Mã bao gồm một học giả Do Thái tên là Flavius Josephus khi đó là một tù binh bị bắt giải về La Mã thực hiện nhiệm vụ viết Lịch sử chiến tranh Do Thái (từ 170 tr.CN đến giai đoạn khi đó) và Lịch sử dân Do Thái còn được gọi là "Do thái cổ đại". Trong bộ sử này Josephus cho rằng châu Âu là nơi sinh sống của con cái Japheth, châu Phi là nơi các hậu duệ của Ham cư trú, châu Á thì do con cái của cả ba người chiếm giữ. Trong sách vở sau này đôi khi vẫn có khái niệm vùng đất của Japheth, ý muốn nói tới châu Âu.

Kitô giáo ra đời tại Palestine, một vùng đất không thuộc châu Âu và trong một thời gian dài nó đã không được La Mã chấp nhận, các tông đồ và những người theo Kitô giáo bị người La Mã sát hại (Hoàng đế La Mã Nero đã chọn họ làm vật hi sinh và đàn áp họ hết sức dã man). Nguyên nhân chính là do những tông đồ của Kitô giáo coi Chúa Trời là trên hết, đối với họ Hoàng đế cũng chỉ là con chiên của Chúa. Tư tưởng này về sau đã được chấp nhận mặc dù nó đã gây ra những xung đột dai dẳng kéo dài, những tranh chấp quyền lực quyết liệt giữa thế lực của nhà thờ và thế lực của vua và chính quyền, điều mà có lẽ các tôn giáo khác ít trải qua. Phải ba thế kỷ sau, Kitô giáo mới có được vị trí của mình và trở thành tôn giáo độc tôn ở châu Âu. Đến năm 330 sau CN, Hoàng đế La Mã khi đó là Constantin đã bỏ thành Roma và chọn thành phố Byzance (hiện giờ có tên gọi là Istanbul) làm kinh đô, đặt tên cho kinh đô mới là Constantinople, đồng thời vẫn giữ tên cũ là Byzance. Trong khoảng 1100 năm sau đó, nơi này vẫn là kinh đô của Đế quốc La Mã,

sau rơi vào tay người Thổ Nhĩ Kỳ năm 1453. Byzance được xem là một "Tân La Mã", "La Mã thứ hai" và thân dân (phần lớn là người Hy Lạp) tự nhận mình là người La Mã. Dân dân những người Slavơ (người Nga, người Séc, Ba Lan, Nam Tư) và những cư dân không thuộc nguồn gốc La Mã sống gần Byzance đã coi Byzance là "Tsargrad"(Đế đô) và có những ảnh hưởng ngày càng sâu đến văn hoá và tôn giáo vùng này, tạo ra một nền văn minh có rất nhiều điểm tương đồng với Tây Âu, nhưng vẫn có những khác biệt và một tôn giáo tách rạ từ Cơ đốc La Mã với tên gọi Đạo Chính thống về sau trở thành tôn giáo của Hy Lạp, Nga, người Secbi ở Nam Tư, người Bulgaria. Những người này đã lấy ký tự Hy Lạp làm chữ viết của mình (tiếng Nga, tiếng Bulgaria) trong khi đó một số dân tộc Slavơ theo Cơ đốc giáo La Mã lại lấy ký tự Latinh cho chữ viết (người Séc, người Ba Lan). Sự khác biệt về cách hành lễ đã dẫn đến sự rạn nứt giữa giáo hội miền Đông và giáo hội miền Tây và tình trạng ly giáo vào năm 1054. Phái Hy Lạp chỉ trích phái La Mã đã đưa thêm cụm từ "và từ đức Chúa Con" vào giáo điều. Tuy nhiên đây chỉ là một cái cớ, nguyên nhân sâu xa hơn theo nhiều tác giả là do sự tranh chấp quyền lực chính trị, kinh tế. Người Hy Lạp và người phương Tây (La Mã hay Franc) ghét bỏ nhau. Người Tây Âu có lẽ ghen tức do mức sống cao của người Byzance, cho người Hy Lạp là mềm yếu như đàn bà và gian xảo. Đối với người Byzance thì người La Mã man rợ, phản trắc và nguy hiểm (Crane Brinton, 1994:198). Như vậy Byzance một mặt là đồng minh của Cơ đốc giáo La Mã vì có cùng xuất xứ, mặt

khác lại chất chứa những xung đột do Byzance chịu ảnh hưởng sâu sắc của các yếu tố phương Đông.

Một trong những đóng góp của Cơ đốc giáo La Mã trong sự thống nhất về tư duy châu Âu có lẽ ở chỗ nó đề cao sự *Chia tách quyền lực tinh thần với quyền lực chính quyền*. Trong suốt lịch sử phương Tây, Nhà Thờ luôn tồn tại bên cạnh chính quyền. Chúa và Xêda, nhà thờ và nhà nước, quyền lực nhà tinh thần và quyền lực chính quyền luôn là nhị nguyên bao trùm văn hoá phương Tây. Trong khi đó trong văn minh Hồi giáo, Chúa là Xêda, trong văn minh Trung Hoa và Nhật Bản, Xêda là Chúa, trong Chính thống giáo, Chúa là bạn của Xêda. Sự tách biệt và dựng độ lặp đi lặp lại giữa Nhà thờ và Nhà nước là nét độc đáo của văn minh phương Tây và chính nó có đóng góp to lớn vào sự phát triển tự do của phương Tây.

Ngoài việc phân chia làm Kitô giáo phương Tây và phương Đông, trong giáo hội phương Tây cũng diễn ra nhiều cải cách, trong đó có việc hình thành đạo Tin Lành. Thế kỷ 16 bắt đầu bằng những cải cách tôn giáo có thể coi là mang tính cách mạng. Martin Luther, xuất thân là một nông dân Đức, sau trở thành một ông chủ công nghiệp giàu có, đã tiến hành những cải cách trong Cơ Đốc giáo, cùng với Calvin một người Pháp và sự ủng hộ của nhiều người khác trong đó có Vua Pháp Henry VIII đã dần hình thành đạo Tin Lành ở châu Âu, thu phục được nhiều tín đồ. Max Weber, một nhà xã hội học Đức hiện đại đã tìm ra mối dây liên lạc giữa luân lý Tin Lành và “tinh thần

tư bản”, tinh thần tạo sinh lực cho giới trung lưu, nền móng của nền dân chủ phương Tây hiện đại. Tư bản tích lũy nghĩa là tiền kiếm được không phải mang ra tiêu xài mà tiếp tục đầu tư tiếp. Cả Luther và Calvin đều đề cao lao động, tránh ăn tiêu phung phí, phê phán cuộc sống xa hoa, khuyến khích tích lũy tư bản. Những quốc gia theo Calvin có ngày làm việc tối đa trong một năm, họ triệt để tôn trọng ngày Chủ nhật, nhưng loại bỏ các ngày lễ khác, thậm chí cả lễ Giáng sinh. Người Scotland, Hà Lan, Thụy Sĩ là những người chịu ảnh hưởng sâu đậm của Calvin, nổi tiếng là những người chăm làm và keo kiệt (Crane Brinton, 1994:331).

Cuối cùng, châu Âu chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Khai sáng thế kỷ 18 và cùng với trào lưu này là một loạt các tư tưởng triết học có ảnh hưởng rộng rãi trên toàn thế giới. Thời đại Khai sáng và những tư tưởng tiến bộ cùng những “người khổng lồ” của nó đã tạo nên một diện mạo châu Âu mới và mang tính đồng nhất ngày càng cao. “Khai sáng là thời kỳ con người trỗi dậy thoát khỏi tình trạng mộng muội của thời kỳ chưa trưởng thành” (Kant, dẫn theo Erik Tangestad, 2004:157). Trước đó trong thế kỷ 17, Decartes với mệnh đề bất hủ “Tôi tư duy tức là tôi tồn tại” đã là một tuyên ngôn cổ vũ cho thái độ nghi ngờ, tư duy tự do khám phá. Đến thế kỷ 18, châu Âu và Cơ Đốc giáo đã không còn là khái niệm đồng nhất (Wilson, 1993:58), thay thế vào đó là châu Âu thế tục hoá và của những tư tưởng mới mà đại diện là Montesquieu, Voltaire, Rousseau và Adam Smith. Montesquieu trong cuốn “Tinh thần Luật pháp” (The Spirit of Laws) đã coi châu Âu là

một khái niệm thế tục (secular), thể hiện ở chính trị, giáo dục, pháp luật, châu Âu đồng nhất với tư tưởng tự do. Montesquieu coi sự phân chia quyền lực là điều kiện tiên quyết cho tự do chính trị. Ông cho rằng, mọi nền quân chủ ở châu Âu đều có bộ máy chính quyền rất gọn nhẹ khi nhà cầm quyền nắm giữ quyền lập pháp và điều hành còn các chủ thể chịu trách nhiệm thi hành công lý (administration of justice). Ngoài việc đi đến một cách hiểu châu Âu từ phương diện chính trị, Montesquieu đã dẫn tiến đến một cách nhìn châu Âu theo hướng văn hoá trong Những bức thư Ba Tư (Letters Persanes). Dưới hình thức những lá thư của người Ba Tư kể về chuyến du lịch của họ tới Pari, cho thấy sự đối lập giữa châu Âu và châu Á, ở đó người “châu Âu thì năng động, di chuyển nhanh”, “người châu Á thì chậm chạp, có sức ỳ”. Tác phẩm chính của Montesquieu phải nói là cuốn “De l’esprit des lois”, một phát ngôn về quan điểm chính trị nhấn mạnh châu Âu là một lục địa không chịu sự chi phối của chế độ chuyên chế.

Một đại diện nữa của thời kỳ Khai sáng là Voltaire, người có đóng góp đối với quan điểm một châu Âu thống nhất. Trong tác phẩm “Le siècle de Luis XIV”, ông cho rằng châu Âu có thể được coi như một cộng đồng (commonwealth) của các quốc gia khác nhau, một số theo chế độ quân chủ (monarchy), số khác tiến hành những hệ thống pha trộn các kiểu cầm quyền khác nhau nhưng đều có mối liên hệ với nhau. Mọi quốc gia châu Âu đều theo một tôn giáo, mặc dù với những dòng khác nhau, có những nguyên tắc chính trị và luật dân sự chung chưa hề xuất hiện ở đâu trên thế giới (Wilson, 1994:60). Theo

Voltaire, châu Âu còn là nước cộng hòa của văn học (république littéraire), trong đó văn học, nghệ thuật, khoa học đã tạo nên một châu Âu của nghệ thuật và học thuật (the republic of artists and scholars). Tác phẩm sau đó của Voltaire “Luận về Phong tục và Tinh thần Dân tộc (Essay on the Customs and Spirit of the Nations) đã khái quát về lịch sử châu Âu và nhận định rằng “châu Âu của chúng ta” đang ngày một có ảnh hưởng, giàu có và văn minh kể từ thời kỳ Charlemagne.

Một đại diện có ảnh hưởng sâu sắc đến tư duy châu Âu là nhà kinh tế học người Scotland Adam Smith, người đã quảng bá cho tư tưởng trật tự kinh tế tự do, trong đó tính tư lợi (self-interest) đã tạo ra những nguyên tắc kinh tế cơ bản. Trong cuốn “Tìm hiểu bản chất và nguyên nhân sự giàu có của các quốc gia” (Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations), Adam Smith thậm chí cho rằng súng ống còn có lợi hơn cả văn minh khi mà người ta sản xuất vũ khí để thu lợi nhuận và do đó thúc đẩy sản xuất (dẫn theo Kevin Wilson, 1994:61). Adam Smith nhìn nhận sự phát triển sản xuất theo hướng có lợi cho xã hội, đem lại nhiều của cải vật chất cho xã hội, do đó “đem đến cái lợi lớn nhất cho nhiều người nhất”. Tuy nhiên sự phân chia của cải đồng đều trong xã hội là do “một bàn tay vô hình sắp đặt” với điều kiện những định chế ràng buộc cùng những tư tưởng sai lầm (thuế má, độc quyền, môn bài..) không ngăn cản đường đi của tự do cạnh tranh.

Rousseau, người nổi tiếng với tác phẩm “Khế ước xã hội”, “Emil”, có thể nói là người đã khởi xướng tư tưởng dân chủ và

xã hội công dân (Perry, 1996:438). Rousseau chủ trương ủng hộ tự do của con người “con người sinh ra đã được tự do”, và “từ bỏ tự do cũng chính là từ bỏ quyền làm người và từ bỏ những trách nhiệm con người”. Tuy nhiên, theo ông, con người sinh ra trong xã hội, do đó cũng phải tuân thủ những luật lệ quy định chung của xã hội mà đại diện cho nó là nhà nước. Trong “Khế ước xã hội”, Rousseau muốn giải quyết mâu thuẫn giữa quyền tự do của con người và những đòi hỏi của nhà nước đối với cá nhân. Giải pháp của ông là một nhà nước đơn giản, theo mô hình thị quốc của Hy Lạp cổ đại. Nhà nước đó phải dựa trên một ý chí chung (general will): là một nhà nước của cộng đồng, đại diện cho những lợi ích chung. Theo ông, tự do phải bao gồm tuân thủ luật pháp quy định dành cho mọi công dân được bắt nguồn từ ý chí chung. Bản thân các công dân là những nhà lập pháp, cơ quan lập pháp không được giao phó cho một người hay một nhóm nhỏ. Tư tưởng của Rousseau đã tuyên chiến với các quyền lực bảo thủ trước đó: quyền lực của các vua chúa, của nhà thờ và của giới quý tộc.

Trào lưu lãng mạn bắt đầu từ cuối thế kỷ 18 và phổ biến ở châu Âu suốt nửa đầu thế kỷ 19 mang tính chất đa dạng và phức tạp đến nỗi các nhà sử học chưa có được một định nghĩa thống nhất về chủ nghĩa lãng mạn (romanticism). Các nhà lãng mạn bao gồm cả tự do lẫn bảo thủ, cách mạng và phản cách mạng, một số người gắn mình với tôn giáo và Chúa Trời, số khác lại phủ nhận niềm tin nơi Chúa. Họ là những nhà thơ như Shelley, Wordsworth, Keats, Byron ở Anh, nhà văn như Victor Hugo và Chateaubriand ở Pháp, nhà văn Friedrich Schlegel, nhà viết kịch và

nhà thơ Schiller, nhà triết học Schelling ở Đức. Một số họ là họa sĩ hay nhạc sĩ như Beethoven, Schubert, Chopin, Wagner. Đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn là đề cao trí tưởng tượng, trực giác và cảm xúc (imagination, intuition, feelings). Chủ nghĩa lãng mạn chủ yếu tập trung khám phá cảm xúc của cá nhân. Jean Jacques Russeau trong tác phẩm “Thú nhận” (Confessions) đã viết: “Tôi hiểu cảm giác của trái tim tôi, do đó tôi hiểu được con người. Tôi không giống bất cứ ai tôi đã gặp. Tôi mạo muội tin rằng, tôi không giống bất cứ ai trên cõi đời này. Nếu tôi không tốt hơn thì chí ít tôi cũng khác họ” (Dẫn theo Perry 1996:528). Những người theo chủ nghĩa lãng mạn khám phá cuộc sống bên trong của tư tưởng, cái mà sau này Freud gọi là tiềm thức, vô thức (unconscious). Điều này đi ngược với chủ nghĩa duy lý trước đó về yêu cầu tìm hiểu các nguyên nhân của cảm giác (reason). “Đó là sự bắt đầu của thơ ca, nhằm xoá bỏ mọi luật lệ và phương pháp để đưa ra những nguyên nhân được diễn đạt duy lý (rationally proceeding reason) và đưa chúng ta chìm sâu hơn vào hư ảo, vào dạng hỗn mang sơ khai của bản chất con người” (Schlegel, dẫn theo Perry, 1996:530). Đó là một khía cạnh của tư tưởng (mind)- đầy bí ẩn, mang tính sơ khai, điều mà các nhà lãng mạn mong muốn phục hồi và thể hiện.

Chủ nghĩa lãng mạn ra đời là sự chối bỏ chủ nghĩa duy lý ra đời vào thời kỳ Khai sáng trước đó ở châu Âu và có những ảnh hưởng quan trọng đối với lịch sử châu lục này. Nhấn mạnh vào những khía cạnh của tình cảm con người như bản năng (instinct), tính tự phát (spontaneity), trực giác (intuition), niềm đam mê (passion), ý chí

(will), sự thấu cảm (empathy), chủ nghĩa lãng mạn đã chiếu ánh sáng vào những khía cạnh của bản năng con người mà các nhà triết học trước đó bỏ qua hoặc chưa đánh giá hết. Bằng cách khuyến khích tự do và sự đa dạng của con người trong hội họa, âm nhạc, thơ ca, văn học, chủ nghĩa lãng mạn đã làm phong phú rất nhiều cho đời sống văn hoá châu Âu. Những người theo chủ nghĩa lãng mạn là những người đầu tiên tuyên chiến với chủ nghĩa tư bản công nghiệp vì những đối xử với con người như những cỗ máy.

Với việc nhấn mạnh vào nội tâm con người, chủ nghĩa lãng mạn còn là cội rễ của chủ nghĩa duy tâm Đức với những đại diện như Hume, Immanuel Kant, Hegel, những người có ảnh hưởng mạnh mẽ tới các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn như triết học, sử học, văn học, tâm lý học, xã hội học... và đặc biệt cho tới tận giai đoạn hiện đại tư tưởng của họ vẫn là niềm cảm hứng, những cảm hứng tích cực cũng như những nỗ lực nhằm phủ định họ trong sáng tác, nghiên cứu của nhiều nhà khoa học, và không chỉ giới hạn ở phương Tây, từ đó có sự ra đời của các chủ nghĩa và trào lưu tư tưởng mới.

Ở giai đoạn hiện đại châu Âu được thống nhất trong một thiết chế độc đáo qua hình thức Liên minh Châu Âu. Từ những thành viên gắn kết với nhau bởi mục tiêu kinh tế chung. Gần đây chất keo dính dường như là một cái gì đó khác hơn. Đặc biệt khi Liên minh EU mở rộng và đang trong xu hướng tiếp tục mở rộng, từ ban đầu chỉ có 6 thành viên, hiện giờ là 25 và trong tương lai còn kết nạp thêm thành viên mới thì vấn đề đặt ra là ai sẽ đủ tiêu chuẩn để được trở thành thành viên của EU. Các tiêu chí kinh tế đã được

định lượng dường như không phải là câu chuyện được bàn đến hiện nay. Trong đàm phán về việc Thổ Nhĩ Kỳ gia nhập EU, một đề tài nóng trong tháng 9, đầu tháng 10 năm nay, khi Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ nhận xét một cách đầy ẩn ý về “một câu lạc bộ Thiên chúa giáo” thì vị chủ tịch EU đã trực tiếp thể hiện quan điểm “vấn đề không phải là tôn giáo mà là các giá trị”. Vấn đề tư tưởng châu Âu (the idea about Europe), một quan điểm về châu Âu (the concept of Europe) và một diện mạo châu Âu (European identity) và các giá trị của nó trở thành nỗi “ám ảnh” (obsession- chữ dùng của Bo Strath, 2004:14) mà việc tìm hiểu chúng gắn liền với việc nghiên cứu bối cảnh lịch sử mà bài viết này vừa điểm qua vài nét ở trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bo Strath (Ed.)(2004). *Europe and the Other and Europe as the Other*. P.I.E.-Peter Lang.
2. Wilson Kevin, Dussen Jan van der (Ed.) (1994). *The History of the Idea of Europe*. London, New York: the Open University, Walton Hall, Milton Keynes.
3. Perry Marvin, Chase Myrna, Jacob James, Jacob Margaret, Von Laue Theodore (1996). *Civilization- Ideas, Politics and Society*. Fifth Edition, Vol. II From 1600s. Boston, Toronto: Houghton Mifflin Company.
4. Briton Crane, Christopher John, Wolf Lee Robert (1994). *Văn minh phương Tây*. H.: Văn hoá Thông tin.
5. Erik Tangerstad (2004). *“The Third World” as an Element in the Collective Construction of a Post-Colonial European Identity// Europe and the Other and Europe as the Other* (Ed. By Bo Strath). P.I.E.-Peter Lang.
6. Guy Bourde-Herve Martin (2001). *Các trường phái sử học*. H.: Viện Sử học Việt Nam.